|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI **DỰ THẢO** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đồng Nai, ngày tháng năm 2023* |

**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện**

**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I:**

**từ năm 2023 đến năm 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2023-2025.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện có xã, ấp thuộc vùng DTTS&MN, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**Chương II**

**TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH,**

**XÁC ĐỊNH PHÂN BỔ VỐN TỪNG DỰ ÁN**

**Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Xã, ấp thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Hộ gia đình, cá nhân người DTTS.

3. Hộ gia đình người Kinh thuôc hộ nghèo cư trú tại xã thuộc vùng DTTS&MN.

4. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

**Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước**

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách Nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ban, ngành và huyện, thành phố (viết tắt là địa phương) thực hiện Chương trình.

Tổng số vốn phân bổ cho địa phương thứ k (Tk) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i (Vk,i) của địa phương đó:

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i:

(i =

- k là địa phương thứ k:

(k =

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

Vk,i = Qi.Xk,i

Trong đó:

- Vk,i: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.

- Xk,i: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.

- Qi: Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i:

Qi =

- Gi: Vốn ngân sách tỉnh để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

- Số điểm quy thành tiền: 1 điểm = 100 triệu đồng.

**Điều 6.** Nguyên tắc tính điểm phân bổ vốn từ ngân sách nhà nước đối với các dự án, tiểu dự án như sau:

a) Phân bổ vốn thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở | 0,8 | a | 0,8 x a |
| 2 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở | 0,8 | b | 0,8 x b |
| 3 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất | 0,225 | c | 0,225 x c |
| 4 | Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung | 30 - 60 | d | 30 x d - 60 x d |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn ngân sách cho sở, ngành: Không.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ sửa chữa nhà ở | 0,4 | a | 0,4 x a |
| 2 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề | 0,1 | b | 0,1 x b |
| 3 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán | 15 | c | 15 x c |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b,c) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

2. Phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn ngân sách cho sở, ngành: Không.

- Phân bổ vốn cho các các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** |
| 1 | Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm | 10 |
| 2 | Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm | 01 |
|  | **Tổng cộng điểm** | **Xk,i** |

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** |
| 1 | Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm | 0,1 |
|  | **Tổng cộng điểm** | **Xk,i** |

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

3. Phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN

Phân bổ vốn đầu tư: Không.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ngành: Không quá 09% tổng số vốn của tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (Ban Dân tộc không quá 3,8%; Sở Công Thương không quá 0,7%; Sở Y tế không quá 03%; các cơ quan: Liên minh Hợp tác xã, Tỉnh Đoàn không quá 0,5%; Hội Nông dân không quá 0,5%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã khu vực I, ấp DTTS&MN.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I | 28 | a | 28 x a |
| 2 | Mỗi ấp DTTS&MN trong 24 xã khu vực I | 5 | b | 5 x b |
| **Tổng cộng điểm** | |  |  | **Ak,i** |

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên là tỷ lệ phần trăm hộ nghèo của xã:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã khu vực I | 0,15 | a | 0,15 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bk,i** |

Tổng số điểm **Xk,i** của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: **Xk,i** = Ak,i + Bk,i

b) Tiểu dự án 2: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN

Phân bổ vốn đầu tư: Không.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Bộ Chỉ huy quân sự: 100% vốn sự nghiệp (Bộ Chỉ huy quân sự chịu trách nhiệm xây dựng phương án phân bổ chi tiết).

- Phân bổ cho các địa phương: Không.

4. Phân bổ vốn thực hiện Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

a) Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa | 16 | a | 16 x a |
| 2 | Cứ xây mới 1 trạm y tế xã | 40 | b | 40 x b |
| 3 | Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã | 8 | c | 8 x c |
| 4 | Cứ xây mới 1 chợ vùng DTTS&MN | 44 | d | 44 x d |
| 5 | Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi | 8 | e | 8 x e |
| 6 | Duy tu, bảo dưỡng mỗi công trình đường giao thông đến trung tâm xã *(dành cho các xã khu vực I có đường tới trung tâm xã đã xuống cấp)* | 1.700 | g | 1.700 x g |
| 7 | Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã, ấp DTTS&MN | 1.000 | h | 1.000 x h |
| 8 | Cứ xây mới 1 công trình hạ tầng thiết yếu xã | 9 | i | 9 x i |
| 9 | Cứ cải tạo, sửa chữa 1 công trình hạ tầng thiết yếu xã | 4,5 | k | 4,5 x k |
|  | Cứ xây mới 1 công trình hạ tầng thiết yếu ấp | 1,5 | l | 1,5 x l |
|  | Cứ cải tạo, sửa chữa 1 công trình hạ tầng thiết yếu ấp | 0,7 | m | 0,7 x m |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ak,i** |

Ưu tiên đối với xã có hộ nghèo:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã khu vực I | 0,3 | a | 0,3 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bk,i** |

Xã khu vực I được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

- Số liệu trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; công trình điểm trường, lớp học đạt chuẩn quốc gia; cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ căn cứ số liệu trong báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương. Riêng phân bổ vốn xây dựng, duy tu phòng học căn cứ định mức phân bổ tại điểm b, 5.1.1 khoản 5 Điều này.

- Số liệu chợ; trạm y tế căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

- Số km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã, ấp DTTS&MN căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

Tổng số điểm **Xk,i** của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: **Xk,i** = Ak,i + Bk,i

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã khu vực I, ấp DTTS&MN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I | 9 | a | 9 x a |
| 2 | Mỗi ấp thuộc vùng DTTS&MN | 1,8 | b | 1,8 x b |
| 3 | Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo | 2,5 | c | 2,5 x c |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ak,i** |

- Nhóm tiêu chí ưu tiên: Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã | 0,03 | a | 0,03 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bk,i** |

Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

Tổng số điểm **Xk,i** của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: **Xk,i** = Ak,i + Bk,i

5. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước  thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp | 1,446 | a | 1,446 x a |
| 2 | Mỗi phòng ở cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp | 1,446 | b | 1,446 x b |
| 3 | Mỗi phòng quản lý cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp | 1,446 | c | 1,446 x c |
| 4 | Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp | 5,784 | d | 5,784 x d |
| 5 | Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp | 4,5 | e | 4,5 x e |
| 6 | Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp | 4,5 | g | 4,5 x g |
| 7 | Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp | 4,5 | h | 4,5 x h |
| 8 | Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp | 3,759 | i | 3,759 x k |
| 9 | Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp | 2 | k | 2 x k |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d, e, g, h, i, k) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 10 % vốn sự nghiệp tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi người học xóa mù chữ | 0,5 | a | 0,5 x a |
| 2 | Mỗi lớp học xóa mù chữ | 10 | b | 10 x b |
| 3 | Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học | 0,05 | c | 0,05 x c |
| 4 | Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị | 500 | d | 500 x d |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Phân bổ vốn đầu tư: Không.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không quá 42%, tổng số vốn nội dung 1 của tiểu dự án (Ban Dân tộc không quá 16%, Công an tỉnh không quá 9%, Bộ Chỉ huy quân sự không quá 9%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS | 0,204 | a | 0,204 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Xã vùng khu vực I được xác định theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

Phân bổ vốn đầu tư: Không.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các sở, ngành: Không quá 2,5% tổng vốn tiểu dự án.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi học viên được đào tạo nghề | 0,035 | a | 0,035 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các địa phương.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế đã được tổng hợp theo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 20% tổng vốn phân bổ tiểu dự án.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I | 15 | a | 15 x a |
| 2 | Mỗi ấp DTTS&MN | 1,5 | b | 1,2 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

6. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Không quá 5% vốn đầu tư dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu. | 7 | a | 7 x a |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các DTTS. | 60 | b | 60 x b |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN. | 2 | c | 2 x c |
| 4 | Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch. | 60 | d | 60 x d |
| 5 | Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | 60 | e | 60 x e |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được Tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù | 50 | a | 50 x a |
| 2 | Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN | 10 | b | 5 x b |
| 3 | Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các DTTS...) | 3,5 | c | 3,5 x c |
| 4 | Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận | 0,6 | d | 0,6 x d |
| 5 | Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...) | 2 | e | 2 x e |
| 6 | Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống | 0,5 | g | 0,5 x g |
| 7 | Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS | 20 | h | 20 x h |
| 8 | Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS | 10 | i | 10 x i |
| 9 | Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS | 3 | k | 3 x k |
| 10 | Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN | 0,3 | l | 0,3 x l |
| 11 | Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS | 0,3 | m | 0,3 x m |
| 12 | Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS | 5 | n | 5 x n |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

7. Phân bổ vốn ngan sách thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ cho các sở, ngành: Không.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Phân bổ vốn cho các địa phương theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo | 300 | a | 300 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a) căn cứ số liệu báo cáo tình hình như cầu thực tế của các địa phương và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Y tế: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I | 15 | a | 15 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

8. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với những phụ nữ và trẻ em người DTTS

a) Phân bổ vón cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã có người DTTS | 10 | a | 10 x a |
| 2 | Mỗi ấp DTTS *(Số ấp DTTS được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp/xã)* | 2 | b | 2 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

9. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 9: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Đài phát thanh truyền hình: 1 tỷ/năm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Đài Phát thanh - Truyền hình | 10 | a | 10 x a |
| 2 | Báo Đồng Nai | 5 | b | 5 x b |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a,b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

- Phân bổ cho các địa phương:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Đài phát thanh địa phương | 2,5 | a | 2,5 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

- Phân bổ smartphone

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Già làng, trưởng ấp | 0,05 | a | 0,05 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp (Ban Dân tộc không quá 61%, Bộ Chỉ huy quân sự không quá 02%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 03%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I | 27 | a | 27 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ cho sở, ngành: Không quá 25% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án (Ban Dân tộc không quá 24,5%, Liên minh Hợp tác xã không quá 0,5%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN | 30 | a | 30 x a |
| 2 | Mỗi ấp DTTS&MN thuộc xã khu vực I *(số ấp DTTS&MN được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 ấp/xã)* | 0,5 | b | 0,5 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=861/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp (Ban Dân tộc không quá 50%, Liên minh Hợp tác xã không quá 15%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 2%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS | 30 | a | 30 x a |
| 2 | Mỗi ấp DTTS&MN *(số ấp DTTS&MN được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 ấp/xã)* | 0,5 | b | 0,5 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Phân bổ vốn đầu tư: Không

Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án, trong đó:

+ Các sở, ngành: Ban Dân tộc không quá 23,5%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch không quá 01%, Sở Y tế không quá 01%, Sở Công Thương không quá 01%, Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 01%, Sở Giao thông vận tải không quá 01%, Sở Nội vụ không quá 01%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 01%, Bộ Chỉ huy quân sự không quá 01%, Công an tỉnh không quá 01%, Hội Nông dân tỉnh không quá 01%), Hội Liên hiệp Phụ nữ không quá 01%, Liên minh Hợp tác xã không quá 01%, Tỉnh Đoàn không quá 01%, Ngân hàng Chính sách xã hội không quá 01%.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc  không quá 10%.

+ Ban Dân vận Tỉnh ủy không quá 01%.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 3 | Mỗi xã khu vực I | 1 | a | 1 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Xã khu vực I (a) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trên đây là Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025*./.*